

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIA LƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Gia Lương, ngày 16 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã năm 2022
của xã Gia Lương trước kỳ họp thứ 04 HĐND xã khóa 24**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIA LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – kế toán xã Gia Lương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của xã Gia Lương (theo các biểu kèm theo Quyết định này). Thời gian công khai 30 ngày kể từ ngày 16/12/2022;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Gia Lương, Ban Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)

Đoàn Thanh Bình

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	7.474.000	TỔNG SỐ CHI	7.474.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	54.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.129.000	II. Chi thường xuyên	4.474.000
III. Thu bổ sung	4.291.000	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.291.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	11.876.299	11.558.670	24.477.500	7.474.000	206,10	64,66
I	Các khoản thu 100%	181.053	180.942	54.000	54.000	29,83	29,84
1	Phí, lệ phí	15.426	15.426	12.000	12.000	77,79	77,79
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	162.628	162.628	42.000	42.000	25,83	25,83
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	2.999	2.888				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.075.879	758.360	20.132.500	3.129.000	1.871,26	412,60
1	Các khoản thu phân chia	109.070	109.070	115.000	115.000	105,44	105,44
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	46.660	46.660	10.000	10.000	21,43	21,43
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.400	4.400	5.000	5.000	113,64	113,64
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	58.010	58.010	100.000	100.000	172,38	172,38
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	966.809	649.291	20.017.500	3.014.000	2.070,47	464,20

2.1	Thu tiền sử dụng đất	793.447	510.423	20.000.000	3.000.000	2.520,65	587,75
	Thu tiền đất đôi dư	227.400	227.400				
	Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	566.047	283.023	20.000.000	3.000.000	3.533,28	1.059,98
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	14.371	11.674	10.000	8.000	69,58	68,53
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	158.992	127.194	7.500	6.000	4,72	4,72
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	450.638	450.638				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.168.730	10.168.730	4.291.000	4.291.000	42,20	42,20
1	Thu bổ sung cân đối	3.104.000	3.104.000	4.291.000	4.291.000	138,24	138,24
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.064.730	7.064.730				

